

Bản án số: 2000/2020/HC-ST

Ngày: 30/11/2020

V/v khiếu kiện quyết định
hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Cường
2. Bà Trần Thị Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2019/TLST-HC ngày 28 tháng 11 năm 2019 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5277/2020/QĐXXST-HC ngày 19 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18992/2020/QĐST-HC ngày 03 tháng 11 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 19476/2020/QĐST-HC ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Phan Văn Anh V;
- Bà Vương Thị T;

Cùng trú tại: 69/49 đường T1, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Khôi N là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Giấy ủy quyền số công chứng 009686 lập ngày 28/10/2019 tại Văn phòng Công chứng Dương Đức Hiếu, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 332 Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: 86 Đường L, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G.

Địa chỉ: 332 Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T có ông Đỗ Khôi N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 03/01/2008, ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T có mua của ông Nguyễn Kỳ D và bà Phan Thị T căn nhà có tổng diện tích đất ở sử dụng: 103,69m², diện tích xây dựng 48,79m² thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 66 tại địa chỉ số E46 (số mới là 814) đường N1, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 14/5/2004 của Ủy ban nhân dân quận G. Ngày 18/01/2008, ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T được cập nhật chủ sử dụng đất tại Mục III của giấy chứng nhận nêu trên.

Ngày 12/02/2018, Ủy ban nhân dân quận G ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn – N1, quận G. Tổng diện tích ông V và bà T bị thu hồi là 22,37m² thuộc một phần thửa số 53, tờ bản đồ số 66.

Cùng ngày 12/02/2018, Ủy ban nhân dân quận G ban hành Quyết định số 447/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với ông V và bà T. Theo đó, Ủy ban nhân dân quận G thu hồi 22,37m² đất và 44,64m² cấu trúc nhà nhưng không bồi thường cho ông V và bà T với lý do: Phần diện tích nhà, đất bị thu hồi có nguồn gốc mua hóa giá nhà thuộc sở hữu Nhà nước, trước đây Nhà nước không bán, không hóa giá, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận, không bồi thường, hỗ trợ.

Không đồng ý với quyết định bồi thường của Ủy ban nhân dân quận G, ông V và bà T đã khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G. Ngày 05/4/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G ban hành Quyết định số 691/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, bác toàn bộ yêu cầu khiếu nại của ông V và bà T. Sau đó ông V và bà T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 16/7/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2997/QĐ-UBND bác khiếu nại của ông V và bà T, giữ N Quyết định số 691/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G.

Phần đất bị thu hồi của ông V và bà T có nguồn gốc do chủ cũ sử dụng từ năm 1995, trong suốt quá trình sử dụng không bị xử lý về hành vi lấn chiếm, không ai tranh chấp, sử dụng ổn định trước thời điểm có quyết định thu hồi đất, đất sử dụng không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có đóng thuế từ năm 2011 đến năm 2019. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 75, khoản 3 Điều 157, Điều 94 Luật đất đai 2013, khoản 4 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 4 Điều 43 Luật Giao thông đường bộ năm 2008, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, điểm b khoản 3 Điều 27 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì trường hợp của ông V và bà T đủ điều kiện bồi thường về đất ở, công trình trên đất khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án.

Do đó, ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Ủy ban nhân dân quận

G về bồi thường, hỗ trợ trong dự án xây dựng Cầu vượt thép tại nút giao thông Nguyễn Thái Sơn – N1, quận G. Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận G bồi thường phần đất bị thu hồi 22,37m² và công trình trên đất là 44,64m² theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận G có ông Hứa Quốc Thy là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Nhà, đất số 814 N1, Phường 3, quận G có nguồn gốc do Viện Quân y 175 (nay là Bệnh viện Quân y 175) quản lý. Năm 1992, ông bà Nguyễn Kỳ D - **Phan Thị T** mua hóa giá theo Hợp đồng bán hóa giá nhà số 208/HĐBHGN ngày 25 tháng 02 năm 1992, diện tích mua hóa giá 46m²; được Sở Nhà đất Thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 266/HGN ngày 10 tháng 12 năm 1992.

Theo Bản vẽ hiện trạng nhà ngày 20/02/1992 đính kèm Hợp đồng bán hóa giá nhà số 208/HĐBHGN, khuôn viên nhà, đất gồm: 46m² nhà đất nằm ngoài lộ giới (diện tích bán hóa giá); một phần nhà 4m x 1,5m và sân trước (không thể hiện kích thước) nằm trong lộ giới.

Năm 1995, ông D và bà Thu sửa chữa, nói rộng diện tích nhà không phép. Năm 2004, ông D và bà Thu được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4280/SXD ngày 14 tháng 5 năm 2004; diện tích đất ở công nhận 48,79m², diện tích sàn xây dựng 103,69m²; nhà kết cấu vách gạch, sàn gỗ, mái tôn, số tầng 02; phần diện tích nhà, đất khoảng 25,08m² vi phạm quy hoạch lộ giới không được công nhận. Năm 2008, ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T nhận chuyển nhượng nhà, đất của ông D và bà Thu theo Hợp đồng số 0307/HĐ-CN ngày 03 tháng 01 năm 2008. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông V và bà T sửa chữa, coi nói thêm tầng 2 (mái tôn thành bê tông cốt thép) trên phần diện tích vi phạm lộ giới, sử dụng đến nay.

Nhà, đất số 814 N1, phường 3, quận G có diện tích đất thu hồi 22,37m², diện tích sàn xây dựng giải tỏa 44,64m² thuộc phần nhà, đất nằm trong quy hoạch lộ giới đường N1, không thuộc diện tích ông Nguyễn Kỳ D và bà **Phan Thị T** mua hóa giá theo Bản vẽ hiện trạng nhà ngày 20 tháng 02 năm 1992 đính kèm Hợp đồng bán hóa giá nhà số 208/HĐBHGN ngày 25 tháng 02 năm 1992 và không được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 266/HGN ngày 10 tháng 12 năm 1992, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4280/SXD ngày 14 tháng 5 năm 2004. Do đó, không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 32 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Khoản 1 Điều 16 Phương án số 761/PA-HĐBT ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng Bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn - N1, quận G: “Đối với nhà, đất thuộc sở hữu tư nhân do Nhà nước bán hóa giá ...b) Phần diện tích nằm trong lộ giới: Trường hợp trước đây nhà nước không bán, không hóa giá đối với phần diện tích đất nằm trong lộ giới, nay nếu thu hồi không tính bồi thường, hỗ trợ”.

Trên cơ sở nguồn gốc pháp lý nhà đất và quy định nêu trên, ngày 12 tháng 02 năm 2018, Ủy ban nhân dân quận G ban hành Quyết định số 447/QĐ-UBND không bồi thường, hỗ trợ về đất và cấu trúc đối với hộ ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T, địa chỉ giải tỏa 814 N1, Phường 3, quận G bị ảnh hưởng trong dự án xây dựng cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn – N1, quận G. Không đồng ý việc tính bồi thường, hỗ trợ, ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T làm đơn khiếu nại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân quận G, yêu cầu hỗ trợ 60% đơn giá bồi thường đối với phần diện tích nhà, đất bị giải tỏa.

Qua xác minh, kiểm tra lại hồ sơ pháp lý theo đơn khiếu nại, ngày 05 tháng 4 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G ban hành Quyết định số 691/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T (lần đầu) với nội dung: “Giữ N Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân quận G về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với hộ ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T, địa chỉ giải tỏa: Số 814 N1, Phường 3, quận G trong Dự án xây dựng cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn – N1, quận G”.

Sau đó, ông Phan Văn Anh V tiếp tục khiếu nại Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân Thành phố, đề nghị bồi thường, hỗ trợ 60% đơn giá đất ở đối với phần diện tích đất 22,37m² bị thu hồi, giải tỏa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 2997/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn Anh V (lần hai), trong đó công nhận và giữ N nội dung Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G.

Căn cứ nguồn gốc tạo lập, quá trình sử dụng nhà đất của ông V, bà T; điểm b khoản 3 Điều 32, điểm c khoản 2 Điều 25 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố, khoản 1 Điều 16 Phương án số 761/PA-HĐBT ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng Bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn - N1, quận G, Ủy ban nhân dân quận G đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, giữ N Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Ủy ban nhân dân quận G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G có ông Hứa Quốc Thy là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G thống nhất ý kiến với Ủy ban nhân dân quận G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra trình bày bổ sung: Phần diện tích đất thu hồi 22,37m², diện tích sàn xây dựng giải tỏa 44,64m² thuộc phần nhà để thực hiện dự án cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn – N1 được ông D và bà Thu sử dụng từ trước năm 1992. Sau đó ông D và bà Thu đã mua hóa giá và được Sở nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà vào năm 1992. Ngay sau khi được cấp giấy chứng nhận trên, ông D và bà Thu đã xây lại ngôi nhà mà không bị chính quyền ngăn cản hay xử lý. Năm 2008, ông V và bà T mua lại nhà, đất nêu trên của ông D, bà Thu và được Ủy ban nhân dân quận G cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng đất ông V, bà T đã đóng thuế sử dụng đất với diện tích thực tế sử dụng và không phải trả tiền thuê đất hàng năm. Do vậy, ông V và bà T phải được bồi thường hỗ trợ về nhà, đất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh bằng 60% đơn giá đất ở và trị giá nhà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Phần đất ông V bị thu hồi nằm trong ranh quy hoạch lộ giới đường N1 nên không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 có quy định: *“Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo chính sách, phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quyết định này”*. Do phương án số 761/PABT-HĐBT được phê duyệt trước ngày Quyết định số 28/QĐ-UBND có hiệu lực nên phải áp dụng Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố. Theo quy định của pháp luật về thuế thì người sử dụng đất phải nộp thuế trên phần diện tích thực tế sử dụng. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tố tụng hành chính quy định.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định những người tham gia tố tụng.

Ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Ủy ban nhân dân quận G, buộc Ủy ban nhân dân quận G bồi thường, hỗ trợ phần diện tích đất thu hồi 22,37m², diện tích sàn xây dựng giải tỏa là 44,64m². Trong quá trình giải quyết vụ án người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận G cung cấp: Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G ban hành về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T (lần đầu) với nội dung: “Giữ N Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân quận G về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với hộ ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T.

Sau đó, ông Phan Văn Anh V tiếp tục khiếu nại Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân Thành phố, đề nghị bồi thường, hỗ trợ 60% đơn giá đất ở đối với phần diện tích đất 22,37m² bị thu hồi, giải tỏa. Ngày 16 tháng 7 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2997/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn Anh V (lần hai), trong đó công nhận và giữ N nội dung Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G.

Các quyết định giải quyết khiếu nại trên có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện. Do vậy Tòa án đưa Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là người có thẩm quyền ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G do ông Đỗ Anh Khang – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[3] Về thẩm quyền giải quyết.

Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai. Quyết định trên thỏa mãn quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông V, bà T nên ông bà có quyền khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về thời hiệu khởi kiện.

Ngày 12/02/2018 Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định số Quyết định số 447/QĐ-UBND. Ngày 05/4/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G ban

hành Quyết định số 691/QĐ-UBND. Ngày 03/7/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2997/QĐ-UBND. Ngày 17/9/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn khởi kiện của ông V, bà T khởi kiện Quyết định số 447/QĐ-UBND. Do quyết định bị khởi kiện và các quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan đến nhau nên yêu cầu khởi kiện của ông V, bà T còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[5] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 447/QĐ-UBND.

Quyết định số 447/ QĐ-UBND được ban hành bởi Ủy ban nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh là đúng thẩm quyền theo quy định Điểm a Khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013.

[6] Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 447/QĐ-UBND.

Ngày 28/10/2016 Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5783/QĐ-SGTVT về phê duyệt dự án xây dựng cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn-N1, quận G. Ngày 25/5/2017 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1960/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của quận G. Ngày 12/02/2018 Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn-N1, quận G ban hành phương án số 761/PABT-HĐBT, Phương án trên được Ủy ban nhân dân quận G phê duyệt cùng ngày. Ngày 12/02/2018 Ủy ban nhân dân quận G ban hành Quyết định số 382 /QĐ-UBND “Về thu hồi đất đối với ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T để thực hiện dự án xây dựng cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn – N1, quận G. Ngày 12/02/2018 Ủy ban nhân dân quận G ban hành Quyết định số 447/QĐ-UBND “Về bồi thường, hỗ trợ đối với ông V và bà T bị ảnh hưởng trong dự án xây dựng Cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn – N1, quận G. Như vậy, Ủy ban nhân dân quận G đã thực hiện đúng trình tự về việc thu hồi đất theo quy định tại Điều 69 Luật đất đai 2013.

[7] Về nội dung:

Ngày 12/02/2018, Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 22,37m², diện tích sàn xây dựng giải tỏa 44,64m² thuộc phần nhà đang sử dụng thuộc phần thửa đất số 53, tờ bản đồ số 66 tại phường 3, quận G. Ông V và bà T cho rằng toàn bộ diện tích nhà, đất bị thu hồi đã được xây dựng sử dụng từ năm 1992 khi chưa có quy hoạch lộ giới. Khi ông xây dựng không ai ngăn cấm, không bị xử phạt. Năm 2008, ông bà được Ủy ban nhân dân quận G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở lâu dài. Do vậy, ông bà phải được bồi thường về đất và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xem xét nguồn gốc, quá trình sử dụng phần nhà đất bị thu hồi, đối chiếu các quy định của pháp luật để đánh giá tính đúng đắn về nội dung của quyết định bồi thường

Theo Hợp đồng hóa giá nhà thuộc sở hữu nhà nước số 208/HĐBHGN ngày 20/02/1992 được ký kết giữa bên bán là Viện Quân y 175 với bên mua là ông

Nguyễn Kỳ D và bà **Phan Thị T** thì bên bán đồng ý bán và bên mua đồng ý mua căn nhà số E46 (số mới là 814) đường **N1**, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng có ghi nhận quyền và nghĩa vụ của bên bán và bên mua, trong đó tại Điểm b Điều 3 của Hợp đồng thì bên mua cam kết “Chấp hành quy định về quy hoạch của UBND Thành phố”. Theo Bản vẽ hiện trạng nhà ngày 20/02/1992 đính kèm Hợp đồng bán hóa giá nhà số 208/HĐBHGN, khuôn viên nhà, đất gồm: 46m² nhà đất nằm ngoài lộ giới (diện tích bán hóa giá); một phần nhà 4m x 1,5m và sân trước nằm trong lộ giới.

Năm 1995, ông D và bà Thu sửa chữa, nới rộng diện tích nhà không phép. Năm 2004, ông D và bà Thu được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4280/SXD ngày 14 tháng 5 năm 2004; diện tích đất ở công nhận 48,79m², diện tích sàn xây dựng 103,69m²; nhà kết cấu vách gạch, sàn gỗ, mái tôn, số tầng 02; phần diện tích nhà, đất khoảng 25,08m² vi phạm quy hoạch lộ giới không được công nhận. Năm 2008, ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T nhận chuyển nhượng nhà, đất của ông D và bà Thu theo Hợp đồng số 0307/HĐ-CN ngày 03 tháng 01 năm 2008. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông V và bà T sửa chữa, coi nới thêm tầng 2 (mái tôn thành bê tông cốt thép) trên phần diện tích vi phạm lộ giới, sử dụng đến nay.

Qua việc xem xét các tài liệu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần diện tích đất 22,37m² bị thu hồi (kèm theo bản vẽ) thuộc phần thửa đất số 53, tờ bản đồ số 66 tại phường 3, quận G khi ông Vương, bà Thu mua hóa giá phần diện tích này không được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, đồng thời theo giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất ở phần diện tích này không được công nhận mà còn nằm trong ranh lộ giới thể hiện tại bản vẽ của bên bán là Viện quân y 175, bản vẽ này còn có chữ ký của người mua nhà nên không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

Đối với diện tích sàn xây dựng giải tỏa 44,64m² trên phần diện tích 22,37m² bị thu hồi. Năm 2008, ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T nhận chuyển nhượng nhà, đất của ông D và bà Thu theo Hợp đồng số 0307/HĐ-CN ngày 03 tháng 01 năm 2008. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông V và bà T sửa chữa, coi nới thêm tầng 2 (mái tôn thành bê tông cốt thép) trên phần diện tích vi phạm lộ giới, sử dụng đến nay. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 25; điểm b khoản 3 Điều 32 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố. Do đó, Ủy ban nhân dân quận G không bồi thường, hỗ trợ phần tài sản này theo Quyết định số 447/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Về các quyết định giải quyết khiếu nại: Do Quyết định số 447/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận G đúng quy định của pháp luật nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông V, bà T là có căn cứ.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Luật Đất đai năm 2013;

Luật Khiếu nại 2011;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với hộ ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T, địa chỉ giải tỏa: Số 814 N1, Phường 3, quận G trong Dự án xây dựng cầu vượt thép tại nút giao Nguyễn Thái Sơn – N1, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí: Ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0045045 ngày 27/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phan Văn Anh V và bà Vương Thị T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục thi hành án dân sự TP HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thuận

